



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 12 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm Dịch vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường Miền Nam**
Laboratory: **Southern Center for Service, Sciences, Technology and Environment**

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: **Công Ty TNHH Công nghệ Môi trường Trần Nguyễn**
Organization: **Tran Nguyen Environmental Technology Company Limited**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1610**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Hóa**
Field: **Chemical**

Người quản lý: **Nguyễn Cao Chánh**
Laboratory manager: **Nguyen Cao Chanh**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Kể từ ngày /12/2025 đến ngày /12/2030**

Địa chỉ: **69, đường số 8, phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh**
Address: **69, Street 8, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City**

Địa điểm: **Số 15, đường số 39, phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh**
Location: **No. 15, Street 39, Binh Trung Ward, Ho Chi Minh City**

Điện thoại/ Tel: **(028) 6296 0731**

Email: **trannguyeneco@gmail.com**

Website: **www.trannguyenco.com.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1610

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Nước sạch <i>Domestic water</i>	Xác định hàm lượng Clo dư Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of Free chlorine content Titration method</i>	0,7 mg/L	TCVN 6225-3:2011
2.		Xác định Độ đục <i>Determination of Turbidity</i>	(0,1~ 1.000) NTU	SMEWW 2130B: 2023
3.		Xác định độ màu Phương pháp UV-Vis <i>Determination of Color UV/Vis method</i>	10,0 mg/L Pt-Co	SMEWW 2120C: 2023
4.		Xác định độ pH <i>Determination of pH value</i>	2~12	TCVN 6492-2011 (ISO 10523-2008)
5.		Xác định hàm lượng tổng Amoni Phương pháp UV-Vis <i>Determination of Ammonia nitrogen content UV-Vis method</i>	0,05 mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ . B&F:2023
6.		Xác định chỉ số Permanganate Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of Permanganate index Titration method</i>	1,0 mg/L	TCVN 6186:1996
7.		Xác định hàm lượng Clorua Phương pháp chuẩn độ bạc nitrat với chỉ thị cromat (phương pháp Mohr) <i>Determination of Chloride content Silver nitrate titration with chromate indicator (Mohr's method)</i>	5,0 mg/L	TCVN 6194:1996
8.		Xác định Độ cứng tổng Phương pháp chuẩn độ EDTA. <i>Determination of the total hardness EDTA titrimetric method</i>	7,0 mg CaCO ₃ /L	SMEWW 2340C: 2023
9.		Xác định hàm lượng Nitrate (NO ₃ ⁻) Phương pháp UV-Vis <i>Determination of Nitrate content UV-Vis method</i>	0,1 mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E: 2023
10.		Xác định hàm lượng Nitrite (NO ₂ ⁻) Phương pháp UV-Vis <i>Determination of Nitrite content UV-Vis method</i>	0,01 mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B: 2023

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1610**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
11.	Nước sạch <i>Domestic water</i>	Xác định hàm lượng Sulfate (SO_4^{2-}) Phương pháp UV-Vis <i>Determination of Sulfate content UV-Vis method</i>	12,0 mg/L	SMEWW 4500- SO_4^{2-} .E: 2023
12.		Xác định hàm lượng Tổng chất rắn hòa tan (TDS) <i>Determination of Total Dissolved Solids</i>	10,0 mg/L	SMEWW 2540C: 2023
13.		Xác định hàm lượng các nguyên tố: Al, B, Ba, Cu, Fe, Mn, Na, Zn Phương pháp ICP-OES <i>Determination of element content: Al, B, Ba, Cu, Fe, Mn, Na, Zn ICP-OES method</i>	(mg/L) Ba, Cu, Zn, Fe, Al, B: 0,1 Na: 0,5 Mn: 0,025	ISO 11885:2007
14.	Nước uống đóng chai <i>Bottled drinking water</i>	Xác định hàm lượng các nguyên tố: B, Ba, Cu, Mn Phương pháp ICP-OES <i>Determination of element content: B, Ba, Cu, Mn ICP-OES method</i>	(mg/L) B, Ba, Cu: 0,1 Mn: 0,025	ISO 11885:2007
15.		Xác định hàm lượng Nitrate (NO_3^-) Phương pháp UV-Vis <i>Determination of Nitrate content UV-Vis method</i>	0,1 mg/L	SMEWW 4500- NO_3^- .E: 2023
16.		Xác định hàm lượng Nitrite (NO_2^-) Phương pháp UV-Vis <i>Determination of Nitrite content UV-Vis method</i>	0,01 mg/L	SMEWW 4500- NO_2^- .B: 2023

Chú thích/ Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam / *Vietnam National standard*
- ISO: *International Organization for Standardization*
- SMEWW: *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*

Trường hợp Công Ty TNHH Công nghệ Môi trường Trần Nguyễn cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì Công Ty TNHH Công nghệ Môi trường Trần Nguyễn phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Tran Nguyen Environmental Technology Company Limited that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./*

